TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 647/2023/HS-PT
Ngày: 25/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;
Ông Đặng Đình Lực;

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 528/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thị L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn M, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1983 tại tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT: Số C N, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số F L, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Vũ Thị K; vợ: Nguyễn Thị L và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2022 đến ngày 25/3/2022 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1978 tại tỉnh Hải Dương, ĐKNKTT: Số C N, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số C N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà Vũ Thị N; chồng: Trần Văn M và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 03/10/2022; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội, Nguyễn Thị L cùng chồng là Trần Văn M có quan hệ quen biết với nhiều cá nhân có nguồn nhập hàng hóa, thực phẩm từ Cộng hòa liên bang N3 về Việt Nam, L và M đã mua, thu gom để bán lại cho khách hàng có nhu cầu. Vào năm 2021, khi các ca nhiễm bệnh Covid 19 tại Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng, nhu cầu của người dân tìm kiếm mua thuốc điều trị Covid 19 nhiều song thuốc điều trị Covid 19 chưa được sản xuất tại Việt Nam, chưa được phép nhập khẩu và chưa được đăng ký lưu hành tại Việt Nam nên L và M mua, thu gom thuốc điều trị Covid 19 do nước Cộng hòa Liên bang N3 sản xuất đang được rao bán trên mạng xã hội, được nhập khẩu trôi nổi trên thị trường để bán lại thu lời bất chính. L là người theo dõi công nợ, thu tiền, thanh toán tiền mua thuốc; M là người tìm kiếm khách hàng, giao dịch thỏa thuận giá cả, đi giao hàng, thu tiền nếu khách trả bằng tiền mặt. Tháng 11/2021, M gặp Phạm Đức H (là bạn M) cho H biết về việc M có nguồn thuốc điều trị Covid 19 của N1 sản xuất bán. M bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất với H khi có khách mua, M sẽ gửi hàng theo xe khách hoặc trực tiếp đem đến Hải Phòng và thông báo cho H đi nhận hoặc để tại nhà của H. Sau đó H đem thuốc đi giao và thu tiền nếu khách trả bằng tiền mặt. Nếu H trực tiếp tìm kiếm được khách mua thì H tự mình quyết định giá bán, trả tiền cho M theo giá từng loại thuốc điều trị Covid 19 mà M đã quy định với H. H đồng ý cùng thực hiện.

Sáng ngày 16/3/2022, M gọi điện thoại thông báo và yêu cầu H ra bến xe nhận thuốc điều trị Covid 19 rồi đem về nhà H để giao cho khách nhưng vì H có công việc bận không đi nhận hàng được nên M đã trực tiếp vận chuyển toàn bộ số thuốc điều trị Covid 19 đã mua thu gom được về Hải Phòng. Khi đến đầu ngõ nhà H, M gọi điện thoại cho H ra dùng xe mô tô của H chở 01 thùng thuốc điều trị Covid 19 vào để trong nhà của H, còn lại 02 thùng thuốc điều trị Covid 19 M đem đến gửi nhờ tại sân nhà của Phạm Hoài N2 tại Lô D Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Đến khoảng 22h30 cùng ngày, M thông báo và hẹn với H đến đường A phân khu M, khu đô thị V, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng để giao hàng cho khách. M điều khiển xe ô tô đem theo 500 hộp thuốc điều trị bệnh Covid 19, gồm: 200 hộp sản phẩm trên vỏ hộp ghi nhãn chữ tiếng Nga, dịch ra tiếng Anh là Favipiravir A 200mg (gọi ký hiệu là thuốc Areplivir) và 300 hộp thuốc trên vỏ hộp ghi nhãn chữ tiếng Nga, dịch ra tiếng Anh là Broncho M1 7mg (gọi ký hiệu là thuốc Munal) đến điểm hẹn thì H đã chờ sẵn tại đó. Tại đây, Hoàng bê một thùng carton đựng số thuốc trên từ cốp xe ra cho Trịnh Thanh Ngọc M2 kiểm tra trước khi nhận hàng thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Đức H tại số F N, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng thu giữ: 03 thùng cacton, trong đó có 823 hộp và 9 vỉ sản phẩm chữa bệnh Covid 19 các loại. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Hoài N2 tại Lô D Đ, phường T, H, Hải Phòng, thu giữ: 05 thùng cacton do Trần Văn M gửi tại nhà Phạm Hoài N2. Tổng cộng thu giữ tại 02 địa điểm trên cùng số hộp thuốc do các đối tượng tự nguyện giao nộp được 4.067 hộp sản phẩm nghi là thuốc chữa bệnh Covid 19 các loại, ghi chữ tiếng nước ngoài, không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.

Khám xét chỗ ở của Trần Văn M và Nguyễn Thị L tại số C đường N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội thu giữ: 02 thùng cacton, trong đó 01 thùng đựng vỏ hộp thuốc các loại, 01 thùng đựng sổ sách, tài liệu, chứng từ, 01 đầu thu camera hiệu 'NISOKA' màu đen đã qua sử dụng.

Tại Bản kết quả giám định của Sở y tế thành phố H kết luận: "*Các mẫu sản phẩm do Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu - Công an thành phố H cung cấp không có nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt: Không đáp ứng yêu cầu về nhãn thuốc theo quy định tại Điều 61 Luật Dược và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 01/2018/TT-BYT của Bộ Y, vì vậy các sản phẩm trên không được phép lưu hành tại Việt Nam"*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hải Phòng kết luận:*"2030 hộp thuốc Arbidol®Maximum vỉ chứa viên nang màu trắng; 2023 hộp thuốc Arbidol® Maximum vỉ chứa viên nang màu trắng và vàng; 299 hộp Arbidol® Umifenovir lọ dạng bột hạt mầu trắng; 09 hộp thuốc Broncho Munal vỉ chứa viêng nang mầu xanh; 206 hộp thuốc Areplivir vỉ chứa viên nang mầu trắng (chi tiết hàng hóa theo Chứng thư thẩm định giá số 1809/2022/CTTĐG-DOBAVA ngày 22/03/2022 của Công ty Cổ phần G) thời điểm định giá tháng 3/2022 có giá trị là 2.256.960.000 đồng*.

Tại Công văn số 1850/QLD-ĐK ngày 16/3/2022 của Cục Q, Bộ Y xác định: *"Đối với sản phẩm АРЕПЛИВИР (phiên âm tiếng Anh là A) căn cứ dữ liệu cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, dữ liệu cấp giấy phép nhập khẩu thuốc chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam, Cục Q (Bộ Y) chưa cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc hoặc cấp phép nhập khẩu cho sản phẩm có tên AP… (phiên âm tiếng Anh là A)*".

Ngày 09/9/2022, Công ty cổ phần N4 và kiểm nghiệm thuốc AQP có Kết luận giám định, nội dung: "*Thành phần các sản phẩm có tên Arbidol® Maximum 200mg, Arbidol 100mg, A, phù hợp với công bố trên vỏ bao bì sản phẩm, hướng dẫn sử dụng kèm theo và đây là thuốc chữa bệnh covid 19. Không giám định được đối với sản phẩm có tên Arbidol® Umifenovir dạng bột, Broncho M1 do không có*

chất mẫu thử".

Tại Kết luận giám định số 200/KL-KTHS(KTS) ngày 16/5/2022 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Tìm thấy các cuộc gọi, tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo, V trao đổi giữa H và M, L với các đối tượng có nội dung thỏa thuận mua bán chốt số lượng, giá cả thuốc Covid 19.

Bản Kết luận giám định số 113/KL-KTHS(TL) ngày 22/8/2022 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Chữ viết, chữ ký trong 03 quyển sổ tay là của Nguyễn Thị L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 31/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 3 Điều 190, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn M 09 (chín) năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm". Thời hạn chấp hành hình phạt tính tù tính từ ngày 17/3/2022.

Căn cứ vào điểm đ khoản 3 Điều 190, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 05 (năm) năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý số tiền khắc phục hậu quả do các bị cáo nộp, xử lý vật chứng; án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2023, bị cáo Trần Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin được giảm án và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị L vắng mặt.

- Bị cáo Trần Văn M giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Hiện nay cả hai vợ chồng bị cáo đều bị xét xử bằng hình phạt tù giam, trong khi các con còn nhỏ, không có ai chăm sóc, hai vợ chồng bị cáo thành khẩn nhận tội và đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, số thuốc điều trị Covid 19 được giám định là thuốc thật, không phải thuốc giả, đã được Công an thu giữ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và vợ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thị L là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị L có đơn xin hoãn phiên toà với lý do bị ốm nhưng xét thấy lý do bị cáo nêu ra và bệnh tật của bị cáo không dẫn đến việc không thể có mặt tại phiên toà nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án mà vắng

mặt bị cáo L.

+ Về nội dung: Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng; trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn M 09 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị L 05 năm tù, dưới khung hình phạt là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thị L là trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên toà phúc thẩm mở lần 02, bị cáo Nguyễn Thị L vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên toà với lý do bị ốm vì bệnh lý rối loạn tiền đình, có đơn thuốc nhưng không phải điều trị tại bệnh viện nên đây không phải là lý do bất khả kháng dẫn đến bị cáo không thể có mặt tại phiên toà; mặt khác các bị cáo kháng cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L còn xin hưởng án treo. Xét thấy việc bị cáo L vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn M khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Cuối năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid 19 phức tạp, nhu cầu của người dân tìm kiếm mua thuốc điều trị Covid 19 trôi nổi trên thị trường tăng cao. Lợi dụng tình hình dịch bệnh, Nguyễn Thị L, Trần Văn M và Phạm Đức H cùng nhau thu gom thuốc điều trị Covid 19 có xuất xứ tại nước Cộng hòa Liên bang N, chưa được phép nhập khẩu và chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam để bán lại cho khách hàng có nhu cầu nhằm mục đích thu lời. Khoảng 22h30 ngày

16/3/2022, Trần Văn M, Phạm Đức H đem theo 500 hộp sản phẩm thuốc điều trị Covid 19 có trị giá 826.999.900 đồng để bán cho khách hàng tại khu A Mahatan Đô thị V, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra còn thu giữ 4.067 hộp sản phẩm các loại (Thuốc đặc trị, thuốc phòng ngừa, thuốc kháng virut) do nước Cộng hòa Liên bang N3 sản xuất, chưa được phép nhập khẩu và chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam tại nhà ở của Phạm Đức H và nhà ở của Phạm Hoài N2 trị giá 1.429.960.100 đồng. Tổng số lô hàng bị thu giữ 4.567 hộp có giá trị tại thời điểm tháng 03/2022 là 2.256.960.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thị L về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm đ khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Đối với Phạm Đức H đang bỏ trốn nên các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước trong quản lý sản xuất, mua bán, lưu hành một số mặt hàng y tế có điều kiện. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán các loại thuốc điều trị Covid 19 khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép lưu hành của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện do hám lợi nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trên cơ sở xem xét vị trí, vai trò thực hiện tội phạm, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và hậu quả xẩy ra, xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Thị L nộp 40.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn M3 nộp 20.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị L có bác ruột là người có công với Cách mạng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mặt khác trong vụ án này các bị cáo có quan hệ là vợ chồng, đều bị xét xử mức hình phạt tù giam, các bị cáo có 03 con còn nhỏ nên xem xét, áp dụng chính sách nhân đạo của P, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo an tâm chấp hành hình phạt, có ý thức cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, sớm trở về với cộng đồng, nuôi dạy các con và xây dựng gia đình. Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo là cao hơn mức quy định về điều kiện được hưởng án treo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn M và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn M và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

- Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 190; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn M: 08 (tám) năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm". Thời hạn chấp hành hình phạt tính tù tính từ ngày 17/3/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 190; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L: 04 (bốn) năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tp Hải Phòng;*
- *VKSND tp Hải Phòng;*
- *CA tp Hải Phòng;*
- *Cục THADS tp Hải Phòng;*
- *Các bị cáo;*
- *Lưu HSVA, HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng